

tham gia các hội nghị quốc tế về tự động hóa đồng bộ, cung cấp thông tin, giúp đỡ các cơ sở mở rộng hợp tác với nước ngoài (bao gồm hợp tác với SEV và các nước khác).

Điều 4. — Bộ Công nghiệp nặng phối hợp với Ủy ban Khoa học Nhà nước và các cơ quan liên quan để tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, bảo đảm công tác có hiệu quả thiết thực.

Điều 5. — Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban khoa học Nhà nước và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 6. — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
TRẦN ĐỨC LUONG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 219-CT ngày 15-6-1990 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét dự án đầu tư « xây dựng vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình » của Bộ Lâm nghiệp (tờ trình số 112-LN-KL ngày 24-1-1990);

Theo đề nghị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc phê duyệt dự án đầu tư này (văn bản số 387-UB-XD-NL ngày 7 tháng 5 năm 1990),

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình theo những nội dung kinh tế — kỹ thuật chủ yếu sau :

1. Tên công trình : Vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình.

2. Địa điểm và phạm vi đất đai vùng dự án quản lý :

a) Địa điểm :

— Vùng kinh tế phòng hộ xung yếu ven hồ Hòa Bình gồm hai giải đất chạy dọc theo ven hồ có chiều dài 200 km tính từ đập chính công trình thủy điện Hòa Bình đến Tạ Bú (Sơn La); chiều rộng mỗi giải bình quân 2 km tính từ mép nước hồ lên.

— Có tọa độ địa lý :

Vĩ độ Bắc từ 20° đến 21°30'

Kinh độ Đông từ 103° đến 106°

b) Phạm vi đất đai vùng dự án :

— Nằm trong địa phận hành chính của các huyện : Đà Bắc, Tân Lạc, Kỳ Sơn, Mai Châu, thị xã Hòa Bình (tỉnh Hà Sơn Bình); Mường La, Mai Sơn, Bắc Yên, Mộc Châu, Phù Yên (tỉnh Sơn La).

— Tổng diện tích tự nhiên : 79.740 hécta

Trong đó :

Đất vùng bán ngập : 8.000 hécta

Đất còn rừng : 13.091 hécta

3. Mục tiêu dự án :

— Nhanh chóng tạo được khả năng phòng hộ cao tại vùng xung yếu. Lập lại cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống vùng Tây Bắc.

— Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân vùng ven hồ, chấm dứt phát nương làm rẫy, tổ chức cuộc sống mới tiến bộ.

— Phát triển thành vùng kinh tế hàng hóa nông — lâm — ngư nghiệp và chế biến.

4. Nhiệm vụ :

— Kết hợp phòng hộ và sản xuất kinh doanh tạo ra các khu rừng vừa cho hiệu quả kinh tế, vừa có tác dụng phòng hộ cao bằng cách trồng rừng, tu bổ rừng và khoanh nuôi, bảo vệ nghiêm ngặt để tái sinh rừng trên diện tích đất lâm nghiệp còn lại.

— Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, động vật rừng, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả dài ngày ở các triền núi thấp ven hồ và trên đất trồng rừng có điều kiện thực hiện nông — lâm kết hợp nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

— Khai thác vùng bán ngập ven hồ để sản xuất lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày.

— Tận dụng mặt nước nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.

— Bảo đảm điều kiện ăn, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, đời sống văn hóa cho nhân dân vùng dự án. Hoàn thành công tác định canh định cư ổn định cuộc sống nhân dân vùng lòng hồ chuyển ra.

5. Quy mô sản xuất :

— Trồng rừng nguyên liệu giấy :
30.000 hecta

— Khoanh nuôi, bảo vệ, xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên : 30.000 hecta

— Trồng, kinh doanh cây công nghiệp (chè, dâu tằm...) và cây ăn quả : 3.700 hecta

— Đỗ tương : 1.000 hecta

— Lúa, màu : 3.252 hecta

— Chăn nuôi trâu bò, lợn, vịt cá...

6. Các giải pháp công nghệ :

a) Bộ Lâm nghiệp xây dựng và ban hành quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật thâm canh riêng cho loại rừng trồng kinh doanh kết hợp phòng hộ để áp dụng cho khu vực dự án.

b) Việc chọn loại cây trồng, giải pháp kỹ thuật trồng và kinh doanh rừng phải bảo đảm :

— Phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của thị trường và cho năng suất cao, khả năng tăng trưởng nhanh.

— Có cấu trúc rừng kín, rậm, chống phơi đất, chống xói lở đất, phát huy cao vai trò phòng hộ.

— Phù hợp với điều kiện lập địa và tiêu khí hậu, tạo ra hệ cân bằng sinh thái tự nhiên.

— Quá trình phát dọn trồng rừng và tổ chức khai thác rừng không làm phá vỡ từng mảng lớn thảm thực vật và tàn che của rừng.

c) Các giải pháp kinh doanh nông nghiệp : áp dụng theo quy trình, quy phạm của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, chú ý các biện pháp kỹ thuật làm tăng khả năng phòng hộ, giữ đất, giữ nước, chống xói mòn.

d) Các giải pháp giao thông vận tải : Kết hợp giao thông thủy, bộ, lấy vận tải thủy là chính. Mở các bến cảng có liên

quan đến các tuyến nhánh đường bộ vào các khu dân cư, khu sản xuất.

đ) Các giải pháp tổ chức xã hội và sản xuất :

— Các giải pháp tổ chức xã hội phải đảm bảo việc định cư ngay cho nhân dân vùng lòng hồ chuyển ra, tạo lập trong vùng dự án một kiểu đời sống kinh tế — xã hội mới « đời sống kinh tế — xã hội vùng hồ ».

— Giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình để tổ chức sản xuất hàng hóa thông qua hợp đồng trực tiếp.

— Tổ chức quốc doanh đảm nhiệm toàn bộ dịch vụ kinh tế — kỹ thuật và quản lý để thực hiện tốt dự án. Căn cứ tình hình cụ thể, Bộ Lâm nghiệp có thể điều chỉnh các lâm trường hiện đang thừa người, có thể sử dụng bộ đội, hoặc thu hút thêm lao động, hình thành các xí nghiệp quốc doanh kinh doanh tổng hợp : nuôi trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ.

7. Tổ chức — lao động :

— Dự án do ban quản lý công trình xây dựng hệ thống rừng phòng hộ lưu vực sông Đà thuộc Bộ Lâm nghiệp quản lý và tổ chức thực hiện.

— Lực lượng xây dựng chủ yếu là huy động tại chỗ. Các vùng xa làng, bản có thể huy động các trường học, lực lượng quân đội và các tổ chức kinh tế khác để tham gia trồng rừng, sau đó giao lại cho các trạm kiểm lâm tổ chức quản lý, bảo vệ.

— Những khu trồng rừng tập trung kết hợp định canh, định cư tại chỗ và điều thêm lao động ở các nơi đến, hình thành các bản, làng lâm nghiệp mới, kinh doanh tổng hợp.

8. Nhu cầu đầu tư :

a) Tổng nhu cầu đầu tư : 33 tỷ đồng.
Trong đó :

— Cải tạo đất và trồng rừng : 26,9 tỷ đồng

— Thiết bị : 1,2 tỷ đồng

— Các nhu cầu khác khoảng 4,9 tỷ đồng nhưng cần phải kiểm tra chặt chẽ.

b) Nguồn tài chính :

Công trình được huy động tài chính từ nhiều nguồn tài trợ khác nhau, khuyến khích các ngành, các thành phần kinh tế, kể cả gọi đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào từng lĩnh vực của dự án.

Trước mắt, sử dụng 11,7 tỷ đồng thuộc vốn ngân sách Nhà nước và vốn đền bù di dân của công trình thủy điện Hòa Bình để quản lý bảo vệ, khôi phục rừng và tổ chức ổn định dân cư, chấm dứt nạn phá rừng làm nương rẫy.

9. Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả dự án này trong 6 năm (1990 — 1995) và hàng năm báo cáo kết quả tiến độ thực hiện dự án với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

10. Cho phép dự án được hưởng một số chính sách ưu đãi sau :

— Sử dụng vốn ngân sách ổn định bước đầu điều kiện ăn, ở và khai hoang xây dựng đất rừng cho dân cư trong vùng.

— Vay vốn với lãi suất ưu đãi để sản xuất cây nguyên liệu giấy và cây công nghiệp. Đầu tư theo đúng mục đích kinh doanh được trả cả gốc và lãi vào lúc thu hoạch sản phẩm chu kỳ đầu.

— Sản phẩm do các hộ gia đình sản xuất ra được phép tự do mua bán, tiêu thụ.

— Miễn thuế đối với rừng trồng chu kỳ sản xuất đầu; miễn thuế đối với các vùng trồng cây công nghiệp trong thời gian 5 năm đầu, sau thời kỳ xây dựng cơ bản.

— Cho phép các gia đình thuê nhân công để thực hiện sản xuất theo hợp đồng đã ký với Nhà nước.

— Giao quyền sử dụng đất cho nhân dân để sản xuất kinh doanh theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước trong 50 năm.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ Lâm nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh Sơn La, Hà Sơn Bình, và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch

ĐỒNG SĨ NGUYỄN

CÁC BỘ

BỘ Y TẾ

QUYẾT ĐỊNH số 325/BYT-QĐ ngày 20-4-1990 về việc thành lập Phòng Chỉ đạo công tác Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

— Căn cứ Nghị định số 196-HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ và Nghị định 153-CP ngày 5-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ của Bộ Y tế.

— Xét nhu cầu công tác chỉ đạo và quản lý lĩnh vực bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình.

— Theo đề nghị của đồng chí Vụ trưởng Vụ Tổ chức — Lao Động,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Thành lập Phòng Chỉ đạo công tác Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Vụ trưởng Vụ Quản lý sức khỏe nhưng được đặc cách làm việc trực tiếp với Bộ trưởng về công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em rồi thông báo lại cho Vụ trưởng Vụ Quản lý sức khỏe.

Điều 2. — Phòng Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình có các nhiệm vụ sau :

A — Phần chung :

1. Trực tiếp theo dõi và chỉ đạo 6 chương trình của UNFPA là đầu mối của Bộ để làm việc với UBQGDS, UNDP, UNICEF khi công việc có liên quan đến Bộ.

2. Tham gia chỉ đạo các chương trình Bảo vệ bà mẹ trẻ em khác như PAM, CTD, AIR, IODE.

B — Phần sức khỏe Bà mẹ :

3. Nghiên cứu xây dựng những chính sách, chế độ bảo hộ lao động cho phụ

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84 9 3845 6684 * LawSoh